



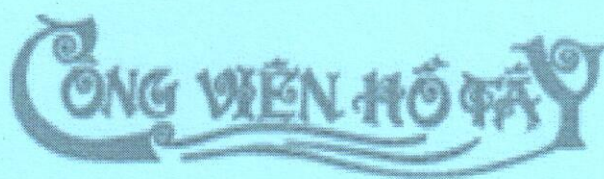
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

HA NOI ENTERTAINMENT SERVICES CORPORATION

Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ

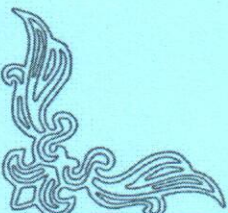
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024.3718 4193 - Fax: 024.3718 4190



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019



I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0100844825
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 92.974.500.000 đồng
Địa chỉ	: Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	: (04) 3718-4193
Số fax	: (04) 3718-4190
Website	: www.congvienhotay.vn
Mã cổ phiếu (nếu có)	: HES

1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay). Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, Công viên Mặt Trời Mới

luôn là điểm đến thân thuộc của du khách sau những giờ học tập, lao động căng thẳng.

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, HĐQT đã đưa ra những giải pháp ngắn và dài hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Về ngắn hạn: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, áp dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp và quản lý nội bộ của công ty, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Về dài hạn: từ năm 2017 HĐQT Công ty chủ trương và đang tiến hành triển khai làm lại quy hoạch tổng thể đồng bộ 2 khu công viên nước và công viên Mặt Trời Mới để đổi mới đồng bộ phù hợp với sự phát triển và xu hướng của xã hội hiện đại cũng như nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng hiện nay.

Năm 2020 đánh dấu mốc kỷ niệm 20 năm hoạt động công viên nước. Trong suốt thời gian qua với sự chỉ đạo đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành công ty và tập thể cán bộ công nhân viên đã cố gắng lao động, sáng tạo không mệt mỏi để khẳng định thương hiệu Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội – Công viên Hồ Tây trên thị trường vui chơi giải trí của Thành phố Hà Nội nói riêng và các tỉnh thành phía Bắc nói chung.

Những thành quả đáng ghi nhận mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua như:

- ✓ Bằng khen của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2000
- ✓ Bằng khen của Bộ văn hóa thể thao năm 2000, 2002
- ✓ Bằng khen hội liên hiệp thanh niên Việt Nam năm 2002
- ✓ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2003
- ✓ Bằng khen của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội các năm 2003, 2005
- ✓ Giải thưởng sao vàng Đất Việt năm 2003
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 2010 về thành tích tổ chức tốt sự kiện: **“1000 năm Thăng Long – Hà Nội”**
- ✓ Từ năm 2007 -2011, Công viên Hồ Tây liên tục được chứng nhận là 1 trong 500 thương hiệu mạnh tại Việt Nam do tổ chức AC Nielsen khảo sát và bình chọn.
- ✓ Năm 2006, 2008 và năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; được vinh danh trên bảng vàng: **“Thăng Long – Doanh nghiệp văn hóa năm 2010”**
- ✓ Năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây vinh dự được nhận giải thưởng Top 500 sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn.
- ✓ Top 20 dịch vụ hoàn hảo do người tiêu dùng bình chọn năm 2014.

- ✓ Năm 2015, Công viên Nước Hồ Tây được tạp chí BuzzeFeed bình chọn là một trong 15 Công viên nước đáng ghé thăm nhất Thế Giới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

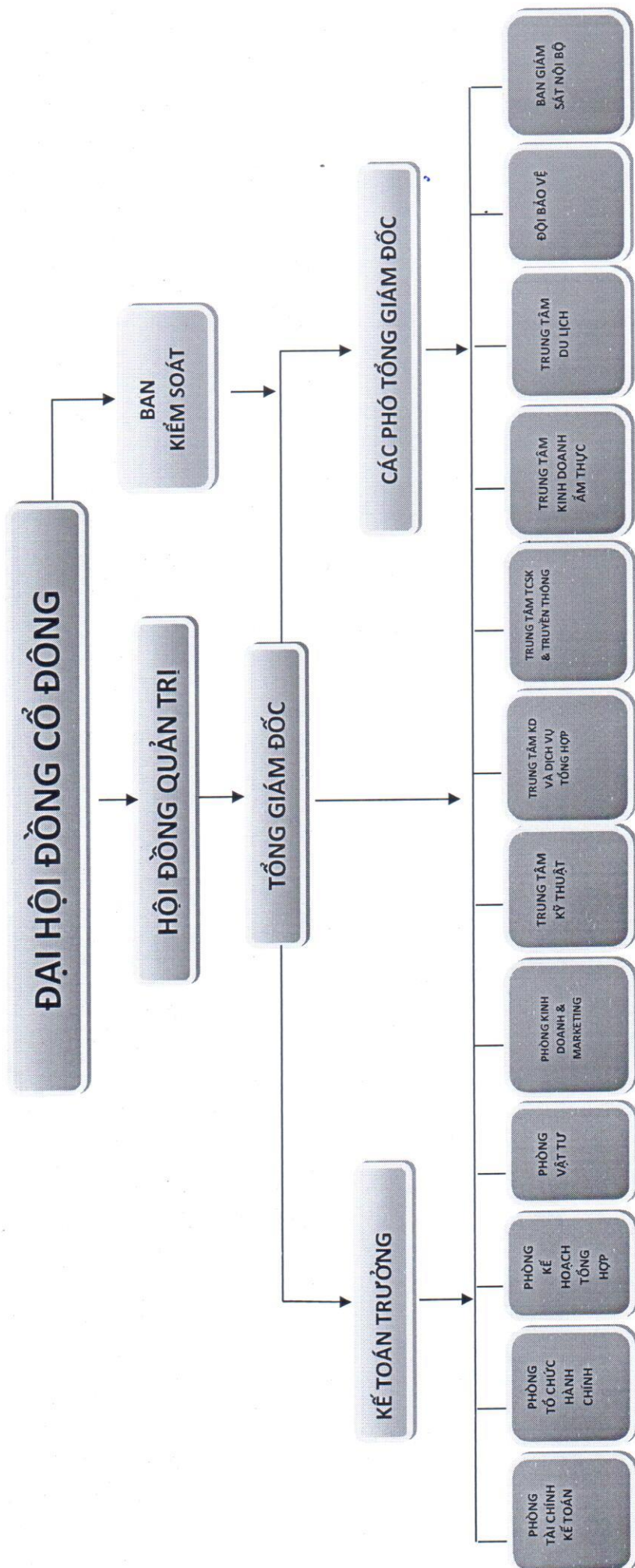
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

b) Địa bàn kinh doanh: Haseco hoạt động chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, các thành phố và các tỉnh Miền Bắc;

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình Quy hoạch tổng thể khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây, tìm kiếm nhà đầu tư có tiềm lực đầu tư vào Công viên;
- Hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp của công viên, tiếp tục mở rộng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh khác của công ty;
- Đầu tư, cải tạo nâng cấp Cơ sở hạ tầng đã xuống cấp;
- Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, an toàn cho Công viên nước;
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”;
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty;

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hoàn thiện lộ trình Quy hoạch tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây;
- Từng bước triển khai kế hoạch phát triển công viên Hồ Tây 5 năm giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn tới năm 2030;
- Cải thiện từng bước Cơ sở hạ tầng và quản trị nguồn nhân lực;
- Biến khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây trở thành địa điểm tham quan, vui chơi giải trí quy mô và có giá trị, thu hút khách du lịch, kết nối và hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại khu vực, khai thác tối đa vị trí đặc địa của khu đất.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- Môi trường kinh doanh vẫn còn chứa đựng nhiều rủi ro và thách thức;
- Tình hình đại dịch viêm phổi covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Yếu tố thời tiết và mùa vụ khó lường;
- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại;
- Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí;
- Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Tổng lượng khách:** đạt 458.166 lượt khách, giảm 60.644 lượt khách hay giảm 11,7% so với năm 2018;

b) **Tổng doanh thu:** đạt hơn 155,5 tỷ đồng, tăng 5,09 tỷ đồng hay tăng 3,38% so với năm 2018, trong đó: Doanh thu các hoạt động tự doanh tại Công viên đạt ~92,3 tỷ đồng, giảm 1,19 tỷ đồng hay giảm 1,28%; Doanh thu tour du lịch (*là hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên*) đạt hơn 63,26 tỷ đồng, tăng 6,28 tỷ đồng hay tăng 11%.

c) Một số giải pháp đã thực hiện:

Trong năm 2019, tiếp tục xuất hiện những diễn biến khó lường của biến đổi khí hậu, kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan đã có ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh doanh ngoài trời của công viên. Hiện tượng nắng nóng và tần suất mưa bão nhiều trong các tháng cao điểm (tháng 5+6+7+8) của mùa hoạt động công viên nước, đặc biệt thời tiết mưa bão lại rơi vào những ngày cao điểm (Kỳ nghỉ Lễ 30/4-1/5; Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6; Kỳ nghỉ Lễ quốc khách 2/9 và một số cặp ngày thứ Bảy, CN) làm cho doanh thu những ngày này sụt giảm mạnh, cụ thể: Doanh thu riêng CVN tháng 5 giảm ~3,6 tỷ đồng hay giảm 42,5%; Doanh thu CVN tháng 8 giảm 18%; Doanh thu CVN tháng 9 giảm 7%.

Trong thời gian qua, các thiết bị trò chơi của khu Công viên Mặt trời mới đã bị xuống cấp nghiêm trọng, một số thiết bị trò chơi phải tạm ngừng để duy tu bảo dưỡng dài ngày (Tàu điện, ô-tô điện, Đu quay bạch tuộc,...), hoặc một số trò chơi phải ngừng hẳn hoạt động để chờ thanh lý hoặc thay thế thiết bị mới (Rồng thép, Đu quay khổng lồ), những vấn đề này có ảnh hưởng rất lớn đến các phương án kinh doanh của công viên MTM, và kể cả khách đoàn tour học sinh và một số chương trình sự kiện có gắn với các trò chơi.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã rất sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, tăng cường các giải pháp thúc đẩy kinh doanh để tìm kiếm và khai thác khách hàng mới, áp dụng các chương trình khuyến mại hấp dẫn vào những ngày nắng nóng hoặc các tuần thấp điểm, góp phần gia tăng doanh thu và lượng khách đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây. Đồng thời, công ty cũng luôn quan tâm đến công tác cải tạo cơ sở hạ tầng, nâng cấp cảnh quan, đảm bảo cho công viên luôn được xanh mát vào mùa hè, đặc biệt chú trọng cải tạo các khu vệ sinh sao cho đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài ra, công ty thường xuyên rà soát các khoản chi để đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần làm cho kết quả kinh doanh năm nay của công ty đạt và vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Do đó, tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 9,1 tỷ đồng, tăng 1,34 tỷ đồng

hay tăng 17,21%. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 7,2 tỷ đồng, tăng 1,1 tỷ đồng hay tăng 17,94% so với năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Vân

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011991381
- Ngày cấp: 20/03/2012
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 - B13 - Ban Đảng TW, tổ 15, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904.227.576
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
 - Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1991 đến 2008:
 - ✓ Nhân viên, phó phụ trách, phụ trách khối Nhà hàng – Khách sạn Hòa Bình
 - ✓ Bí Thư Đoàn TN Khách sạn Hoà Bình, Bí thư Đoàn TN Tổng Công ty Du lịch Hà Nội

- Từ 04/2008 đến 07/2008: Bí thư Đoàn TN chuyên trách Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
- Từ 07/2008 đến 08/2011: Phó Chánh VP Tổng Công ty Du lịch Hà Nội , kiêm Bí Thư Đoàn Thanh niên.
- Từ 08/2011 đến 4/2016:
 - ✓ Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh nhà Văn Phòng Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, Bí thư Chi bộ Phòng (Kiêm Bí thư Đoàn thanh niên – đến 08/2012)
 - ✓ Ủy viên Ban chấp hành Đảng Bộ Tổng công ty, Phó Ban Dân vận Đảng ủy TCT; Phụ trách Chi bộ Trung tâm thương mại và Dịch vụ Du Lịch.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô
- Từ 05/2016 đến nay:
 - ✓ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

*Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:

Công ty cổ phần Đông Đô: 120.000 cổ phần trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 120.000 cổ phần

❖ Ông Hoàng Văn Toàn

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 030072000084
- Ngày cấp: 21/10/2014
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội.

- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, cụm 3 Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0914.953.304
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
 - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/1994 đến 01/2003: Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 02/2003 đến 10/2006: Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 01/11/2006 đến 15/01/2007: Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 15/01/2007 đến 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc trung tâm Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 11/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm 0,08% vốn cổ phần của Công ty)

*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 111375281

- Ngày cấp: 28/02/2009
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: 518 - A25 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 - Số điện thoại: 0943.133.042
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2003 đến 09/2003: Thư ký Trưởng nhóm kinh doanh D27 – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ 10/2003 đến 09/2005: Nhân viên khai thác bán hàng, Thống kê Công ty bảo hiểm Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2005 đến 11/2007: Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 11/2007 đến 09/2011: Thư ký Hội đồng Quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2011 đến 04/2014: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 04/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
 - *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*
 - Chồng: Trịnh Thái Nghĩa: Sở hữu 1.400 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012847646
- Ngày cấp: 09/03/2006
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P105 - nhà 7 - số 2 Bùi Ngọc Dương - Thanh Nhân – Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.383.809
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXH và NV – Du lịch
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 12/2000 đến 04/2001: Nhân viên khách sạn 5* Melia Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2001 đến 05/2010: Trưởng lễ tân, trưởng phòng sale, trợ lý giám đốc, Phó Giám đốc khách sạn 3* Holidays Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2010 đến 05/2012: Trưởng phòng Kinh doanh & Marketing - Giám đốc Trung tâm Tổ chức Sự kiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 06/2012 đến 05/2013: Quản lý điều hành Công ty TNHH Du lịch Không gian VN
 - ✓ Từ tháng 7/2013 - 4/2015 Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYÊN**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012823878 Ngày cấp: 25/8/2005
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
- Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 114 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.571.428
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1988 đến 01/1990: Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hạ Sĩ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục Nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng, cấp bậc Hạ Sĩ, làm kế toán tài vụ và quản lý cơ quan Hiệu bộ nhà trường.
 - Từ 09/1990 đến 08/1994: Học tập tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Khoa Ngân hàng – Tài chính.
 - Từ 10/1994 đến 12/2008: Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995–1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 01/2009 đến 07/2010:
 - ✓ Phó Giám đốc và kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - ✓ Giám đốc Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 08/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP dịch vụ giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: không

b) Những thay đổi trong ban điều hành: không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 223 người/ tháng
- Các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty cố gắng đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động để duy trì và nâng cao hiệu quả lao động. Ngoài ra, khi Công ty kinh doanh có hiệu quả thì người lao động được hưởng thêm phần lương hiệu quả kinh doanh, lương tháng 13,14 và thưởng doanh số theo từng ngày, thưởng các ngày lễ... Luôn tuân thủ và thực hiện đúng pháp luật về chế độ lương, thưởng và chế độ bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục theo sát và đưa ra những chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành công ty để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị nhất trí chủ trương đầu tư thiết bị đường trượt công viên nước mới – BOWL nhằm gia tăng sản phẩm cho công viên nước, thu hút khách hàng tăng doanh thu cho công ty đồng thời cũng là sản phẩm chào mừng 20 năm khai trương công viên nước. Dự kiến dự án sẽ đi vào vận hành trong mùa hoạt động công viên nước 2020.
- Cũng trong năm nay, HĐQT phê duyệt dự án đầu tư ứng dụng công nghệ mới – sử dụng vé QRcode vào quy trình tác nghiệp của công viên. Đây là phương án bắt kịp xu hướng trong thời đại công nghệ hiện nay và phù hợp với thực trạng của công viên, đã thay thế hoàn toàn phương thức vé giấy thủ công của công viên đã tồn tại từ 19 năm qua. Đây sẽ là bước đệm để công ty thực hiện ứng dụng công nghệ mới vào các quy trình nội bộ khác như: Quy trình quản lý kho, quy trình quản trị nhân sự, phê duyệt hồ sơ tài liệu, quy trình tổ chức sự kiện...để nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí, kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị và kinh doanh của công ty.

- Công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên được quan tâm duy trì, tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất. Định kỳ kiểm tra sơn sửa các máng trượt, nạo vét các giếng để đảm bảo nguồn cấp nước ổn định phục vụ sản xuất kinh doanh
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Chính trang lại các cảnh quan của Công viên cho đẹp hơn, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	127.540,1	132.076,6	3,56%
Doanh thu thuần	150.447,4	155.539,9	3,38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.564,5	9.030,0	19,37%
Lợi nhuận khác	222,8	97,5	-56,24%
Lợi nhuận trước thuế	7.787,3	9.127,5	17,21%
Lợi nhuận sau thuế	6.131,4	7.231,3	17,94%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,83	3,27
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,72	3,22
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,104	0,126
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,115	0,144

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	66,50	98,02
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,18	1,178
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,040	0,046
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,053	0,062
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,048	0,054
	0,050	0,058

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

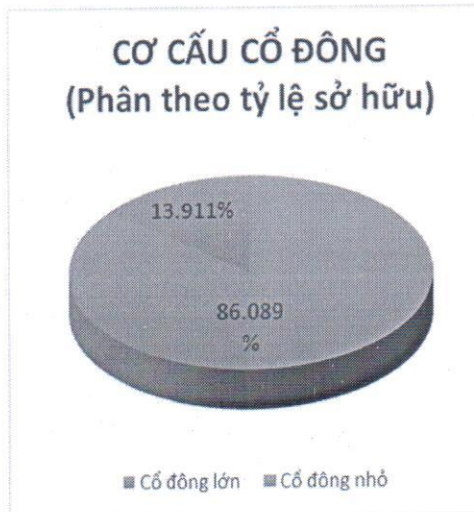
STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước		9.290.650	99,93%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	6	8.018.065	86,24%
	- Cá nhân:	406	1.272.585	13,69%
II	Cổ đông nước ngoài		0	0,04%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	0	0	0%
	- Cá nhân:	2	4.000	0,04%
III	Cổ phiếu quỹ	1	2.800	0,03%
	Tổng cộng		9.297.450	100%

Tính đến thời điểm 06/01/2020 Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội có 9.297.450 cổ phần, trong đó số cổ phần đang lưu hành là 9.294.650 được nắm giữ bởi 414 cổ đông, tất cả 9.294.650 cổ phần đang lưu hành của Công ty đều có quyền chuyển nhượng tự do.

99,52% cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội là cổ đông trong nước; 0,48% cổ đông nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Dựa vào các tiêu chí, danh sách cổ đông của Công ty cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội được chia theo cơ cấu như sau:



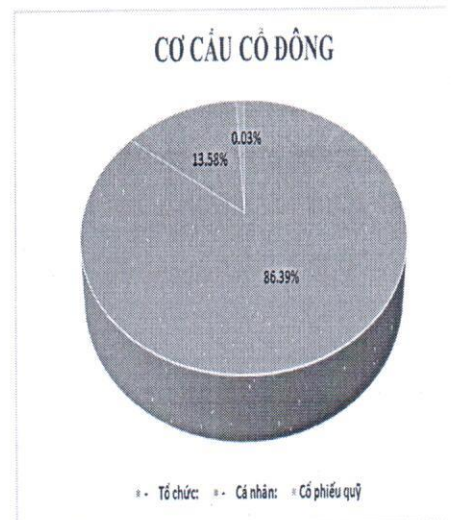
Phân chia theo tỷ lệ sở hữu, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội được chia làm 2 loại: nhóm cổ đông lớn và nhóm cổ đông nhỏ. Theo khoản 9 điều 6 Luật chứng khoán hiện hành, “**Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành”. Nhóm cổ đông lớn của Haseco gồm các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Theo danh sách Cổ đông của Haseco được chốt ngày 06/01/2020, các Cổ đông lớn bao gồm: Tổng công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Trí Thành, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô, Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sen. Nhóm cổ đông nhỏ bao gồm các cổ đông còn lại.

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội khi chia theo đặc trưng của cổ đông sở hữu, gồm: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

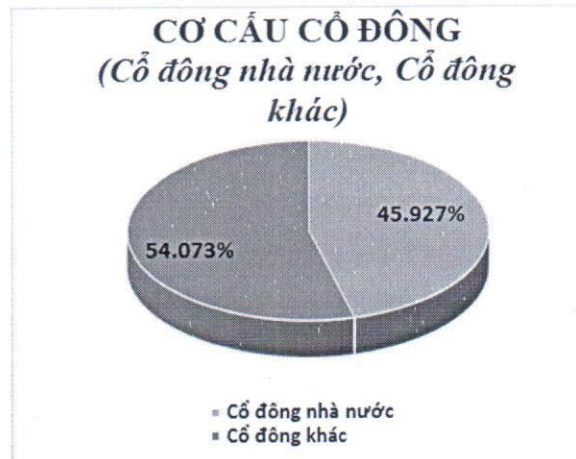
✓ Nhóm cổ đông là tổ chức bao gồm:

1. Tổng Công ty du lịch Hà Nội – Công ty TNHH
2. Tập đoàn Bảo Việt
3. Công ty TNHH Trí Thành
4. Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô
5. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen
6. Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
7. Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội (nắm giữ cổ phiếu quỹ)

Nhóm cổ đông là cá nhân nắm giữ cổ phần của Công ty.



Theo danh sách cổ đông của Haseco được chốt ngày 06/01/2020, trong 412 cổ đông trong nước, cổ đông là doanh nghiệp nhà nước chiếm 45,927% (Tổng công ty du lịch Hà Nội), còn lại 54,073% cổ phiếu được nắm giữ bởi cổ đông khác (bao gồm doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước).



Số liệu được sử dụng theo danh sách cổ đông Haseco được chốt ngày 06/01/2020

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐCĐ .HASECO ngày 21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ -HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Nguồn: Haseco

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/08/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2019.

e) Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Đặc biệt chúng tôi thấu hiểu rằng sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu thể hiện trên các bản báo cáo mà còn là những giá trị vượt trội mà doanh nghiệp xây dựng trong lòng khách hàng và mang lại cho cộng

đồng và xã hội. Vì vậy, việc đảm bảo môi trường để phát triển bền vững là yếu tố hàng đầu mà Ban lãnh đạo Haseco quan tâm.

6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường và được chấp thuận. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải công ty được đầu nối chung với hệ thống xử lý nước thải chung của Thành phố của Công ty Phú Điền . Hàng quý Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt và được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Hàng năm có báo cáo về việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 223 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 6.308.598 đ/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty cố gắng đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động để duy trì và nâng cao hiệu quả lao động. Ngoài ra, khi Công ty kinh doanh có hiệu quả thì người lao động được hưởng thêm phần lương hiệu quả kinh doanh, lương tháng 13,14 và thưởng doanh số theo từng ngày, thưởng các ngày lễ...
- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật.
- Ngoài được hưởng tiền lương, thưởng người lao động còn được hưởng một số trợ cấp khác như: được tặng quà nhân các ngày như: 8/3,20/10,27/7,22/12, thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hỉ... theo quy định của Công ty.
- Thời giờ nghỉ ngơi:
 - Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần.

➤ Nhân viên khôi tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.

➤ Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.

- Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.
- An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.
- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.
- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.
- Hàng năm công ty đều tổ chức cho người lao động đi thăm quan nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm là: 27h/ nhân viên trong đó:
 - + Đào tạo nội bộ: 18h/ nhân viên
 - + Đào tạo nhân viên thời vụ: 31h/ nhân viên
 - + Đào tạo học sinh thực tập làm việc tại Công ty: 33h/ nhân viên
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- Công ty có tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại Công ty. Khóa đào tạo tổng quan Công ty: cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy, quy chế và văn hóa Công ty...
 - Khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí Công việc: Cứu hộ, bán lẻ cho thuê đồ bơi, bán hàng Ẩm thực, lễ tân chăm sóc khách hàng, soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân...
 - Các khóa đào tạo theo yêu cầu của công việc: đào tạo nghiệp vụ cứu hộ, bảo vệ, ATVSLĐ, ATVSTP, PCCC...

6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động khuyến góp, ủng hộ hoạt động bảo lũ lụt, thiên tai, hỏa họa, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Phân tích tổng quan về hoạt động công ty

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỉ lệ % so với doanh thu thuần	
		Năm 2019	Năm 2018	Số tiền	Tỉ lệ %	Năm 2019	Năm 2018
1	Tổng Doanh thu	155.539,9	150.447,4	5.092,5	3,38	-.	-.
2	Các khoản giảm trừ	-.	-.	-	-	-.	-.
3	Doanh thu thuần	155.539,9	150.447,4	5.092,5	3,38	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	110.856,8	104.470,5	6.386,3	6,11	71,27	69,44
5	Lợi nhuận gộp	44.683,1	45.976,9	-1.293,8	-2,81	28,73	30,56
6	Doanh thu tài chính	2.567,9	1.502,2	1.065,7	70,94	1,65	1,00
7	Chi phí tài chính	-.	-.	-.	-.	-.	-.
8	Chi phí bán hàng	19.210,0	19.791,0	-581,1	-2,94	12,35	13,15
9	Chi phí quản lý	19.011,0	20.123,6	-1.112,6	-5,53	12,22	13,38
10	Lợi nhuận thuần	9.030,0	7.564,5	1.465,5	19,37	5,81	5,03
11	Thu nhập khác	314,1	222,9	91,2	40,92	0,20	0,15
12	Chi phí khác	216,6	0,1	216,5	-.	0,14	-.
13	Lợi nhuận khác	97,5	222,8	-125,3	-56,25	0,06	0,15
14	Lợi nhuận trước thuế	9.127,5	7.787,3	1.340,2	17,21	5,87	5,18
15	Chi phí thuế TNDN	1.896,2	1.655,9	240,3	14,51	1,22	1,10
16	LN sau thuế TNDN	7.231,3	6.131,4	1.099,9	17,94	4,65	4,08

Phân tích nguyên nhân:

Bước vào đầu năm 2019, kinh tế thế giới có dấu hiệu tiếp tục tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và các vấn đề địa chính trị ngày càng diễn biến phức tạp, làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực của năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh hoành hành,....

Đối với Công viên Hồ Tây - là một khu vui chơi giải trí ngoài trời nên yếu tố thời tiết, khí hậu và tính mùa vụ có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, ngoài ra còn một số nhân tố sau:

- Đặc điểm hoạt động của công viên là sử dụng nhiều lao động phổ thông nên chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trong mấy năm trở lại đây đã làm tăng mạnh chi phí hoạt động của doanh nghiệp.
- Nhiều thiết bị trò chơi được đầu tư cách nay đã 19-20 năm nên các chi phí duy tu, SCBD là khá lớn. Ngoài ra công ty cũng phải thường xuyên quan tâm đến việc nâng cấp hạ tầng, cải tạo cảnh quan để đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của khách hàng.
- Áp lực cạnh tranh chia sẻ thị phần ngày càng gay gắt với nhiều khu vui chơi giải trí khác ở Hà Nội và các tỉnh lân cận, đặc biệt là các khu vui chơi giải trí trong nhà.

Trong năm 2019, tiếp tục xuất hiện những diễn biến khó lường của biến đổi khí hậu, kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan đã có ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh doanh ngoài trời của công viên. Doanh thu riêng CVN tháng 5 giảm ~3,6 tỷ đồng hay giảm 42,5%; Doanh thu CVN tháng 8 giảm 18%; Doanh thu CVN tháng 9 giảm 7%. Các thiết bị trò chơi của khu Công viên Mặt trời mới đã bị xuống cấp nghiêm trọng, một số thiết bị trò chơi phải tạm ngừng để duy tu bảo dưỡng dài ngày hoặc một số trò chơi phải ngừng hẳn hoạt động để chờ thanh lý hoặc thay thế thiết bị mới. Những vấn đề này có ảnh hưởng rất lớn đến các phương án kinh doanh của công viên MTM, và kể cả khách đoàn tour học sinh và một số chương trình sự kiện có gắn với các trò chơi.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã rất sát sao và đưa ra những chỉ đạo trong công tác điều hành để đạt được kết quả kinh doanh đạt và vượt mức kế hoạch mà đại hội đồng cổ đông đã giao:

- Tăng cường các giải pháp về thúc đẩy đẩy kinh doanh để tìm kiếm và khai thác khách hàng mới, áp dụng các chương trình khuyến mại hấp dẫn vào những ngày nắng nóng hoặc các tuần thấp điểm, góp phần gia tăng doanh thu và lượng khách đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây.

- Chú trọng công tác cải tạo cơ sở hạ tầng, nâng cấp cảnh quan, đảm bảo cho công viên luôn được xanh mát vào mùa hè, đặc biệt trú trọng cải tạo các khu vệ sinh sao cho đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của khách hàng.
- Thường xuyên rà soát các khoản chi để đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh...

Tổng Doanh thu năm 2019 đạt hơn 155,5 tỷ đồng, tăng 5,09 tỷ đồng hay tăng 3,38% so với năm 2018.

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 7,787 tỷ đồng, tăng 1,41 tỷ đồng hay tăng 22,12% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 6,131 tỷ đồng, tăng 1,096 tỷ đồng hay tăng 21,77% so với năm 2017.

1.2. Những tiến bộ đã đạt được:

- Công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên được quan tâm duy trì, tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất. Định kỳ kiểm tra sơn sửa các máng trượt, nạo vét các giếng để đảm bảo nguồn cấp nước ổn định phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Công tác đảm bảo an toàn trong vận hành máy móc thiết bị: hàng năm thực hiện kiểm định toàn bộ các thiết bị trò chơi theo quy định của cơ quan chức năng, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành của nhà sản xuất, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho khách hành đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây.
- Đầu tư thay thế thiết bị xe đung đã bị hỏng của công viên Mặt Trời Mới, tận dụng được cơ sở hạ tầng cũ, tăng số lượng trò chơi trong công viên Mặt Trời Mới, phục vụ như cầu vui chơi của khách hàng đặc biệt là khách đoàn tour học sinh.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Các cảnh quan của Công viên được chỉnh trang lại cho đẹp hơn, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Đời sống vật chất, tinh thần và các chế độ người lao động luôn được quan tâm và đảm bảo.
- Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây được đẩy mạnh gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

2. Tình hình tài chính

- Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2019 là 132,08 tỷ đồng, tăng 4,53 tỷ đồng hay tăng 3,56% so với cùng kỳ 2018, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 1,66 tỷ đồng hay giảm 27,01%; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 14,9 tỷ đồng hay tăng 62,08% do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 3,56 tỷ đồng hay tăng 88,28%; Hàng tồn kho giảm 551,4 triệu đồng hay giảm 39,21%; Tài sản ngắn hạn khác tăng 249,8 triệu đồng hay tăng 142,14%; Tài sản dài hạn giảm 11,96 tỷ đồng hay giảm 13,04% do trích khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

- Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2019 là 132,08 tỷ đồng, tăng 4,53 tỷ đồng hay tăng 3,56% so với cùng kỳ 2018, trong đó: Nợ phải trả tăng 3,43 tỷ đồng hay tăng 26,03% là do: Phải trả người bán tăng 1,41 tỷ đồng; Người mua trả tiền trước tăng 839,9 triệu đồng; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 306,1 triệu đồng; Phải trả người lao động tăng 127 triệu đồng; Chi phí phải trả tăng 520,3 triệu đồng; Doanh thu chưa thực hiện tăng 32,8 triệu đồng; Các khoản phải trả khác tăng 193,6 triệu đồng hay tăng 9,21%. Vốn chủ sở hữu tăng 1,1 tỷ đồng hay tăng 0,96% là do Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng so với cùng kỳ 2018.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Khẩn trương thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các Nghị quyết của HĐQT phát hành đặc biệt là các vấn đề:
 - Đầu tư thiết bị máng trượt mới BOWL cho công viên nước để sản phẩm cho công viên nước, thu hút khách hàng.
 - Tiếp tục thực hiện tiến trình ứng dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp của công viên.
 - Đầu tư thay thế thiết bị xe đung mới tại công viên Mặt Trời Mới.
 - Hoàn chỉnh hạ tầng, nâng cấp nhà vệ sinh tắm tráng công viên, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách hàng tới vui chơi tại công viên.
 - Nâng cao hiệu quả kinh doanh, nghiên cứu thể mạnh của công viên để kết hợp với các đối tác mạnh phục vụ các chương trình lớn của Công viên.
- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, luôn tuân thủ quy chế hoạt động của Ban điều hành, đồng thời thường xuyên cập nhật và áp dụng những thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình hoạt động của công ty.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực hoặc từng mảng hoạt động, phù hợp với năng lực của từng thành viên trên cơ sở các nguyên tắc và nề nếp làm việc, để đảm bảo công tác quản trị điều hành được thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bối cảnh kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường do mâu thuẫn thương mại giữa các nước lớn hầu như chưa được giải quyết, vẫn đang trong giai đoạn giằng co hòa hoãn.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và chưa dự báo được thời điểm kết thúc cũng như quy mô, phạm vi lây lan và tác động của dịch. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã có những chỉ đạo quyết liệt, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực quyết tâm của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, tình hình dịch Covid-19 ở nước ta cơ bản đã được kiểm soát tốt, góp phần quan trọng trong việc ổn định tâm lý người dân, doanh nghiệp, được cộng đồng trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Tuy nhiên, dịch Covid-19 đã có những tác động rất lớn đến hầu hết các khía cạnh của đời sống kinh tế, xã hội, gây thiếu hụt lao động tức thời, làm gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên liệu, vật liệu đầu vào cho sản xuất, đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hoạt động lưu chuyển, vận chuyển hàng hóa, hành khách, dịch vụ y-tế, giáo dục, du lịch, vui chơi giải trí, ăn uống, lưu trú... bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Ngoài các yếu tố tác động mang tính bao trùm nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 sẽ tiếp tục phải đối mặt với các khó khăn, thách thức sau:

- Yếu tố thời tiết không thể lường trước được: quá nắng nóng, quá rét hoặc mưa bão quá nhiều,... sẽ làm giảm lượng khách đến Công viên vui chơi.

- Thiết bị trò chơi của Công viên Hồ Tây phần lớn đã cũ, đầu tư từ ngày khai trương cách đây đã hơn 19-20 năm, nhiều thiết bị đã phải ngừng hoạt động chờ thanh lý.

Nếu tình hình dịch bệnh covid 19 được khống chế vào cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 2020, Ban điều hành công ty quyết tâm duy trì và thúc đẩy các hoạt động kinh doanh tại Công viên Hồ Tây để đảm bảo Tổng doanh thu và lợi nhuận ròng sụt giảm không quá 25% so với năm 2019, tỷ lệ cổ tức năm 2020 tối thiểu là 5%.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện công tác lập quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây, tìm kiếm các nhà đầu tư tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí, có năng lực tài chính, có nhu cầu hợp tác kinh doanh dài hạn với công ty để triển khai dự án sau khi quy hoạch được duyệt.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm hoạt động Công viên nước Hồ Tây, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm và hiệu quả.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, cần lưu ý các hạng mục: Lắp đặt đường trượt Bowl; Cải tạo Trung tâm hội nghị Sen Hồng; Cải tạo nâng cấp nhà tắm tráng khu Tháp trượt; Tìm đối tác cung cấp Đu quay KL đảm bảo chất lượng, giá hợp lý.

- Nhanh chóng hoàn thiện dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào các công đoạn bán vé và soát vé. Tiếp tục mở rộng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh khác của công ty để tiết kiệm chi phí, kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Hoàn thiện hệ thống và quy trình quản lý chất lượng dịch vụ, quy trình phối hợp công việc giữa các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định làm việc của của từng đơn vị/bộ phận và của công ty, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận và Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công viên Hồ Tây, đặc biệt tăng cường vào mùa hoạt động Công viên nước để tận dụng sản phẩm thế mạnh của Công ty. Nghiên cứu bổ sung các thiết bị trò chơi, sản phẩm mới phù hợp cho khu công viên MTM.
- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện gia tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, trò chơi trong nhà, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh. Tiếp tục rà soát, củng cố và phát triển các kênh bán hàng tiệc cưới, đặc biệt là mạng lưới các đại lý ngay tại các khu dân cư/tổ dân phố trên địa bàn quận Tây Hồ, Ba Đình.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook...
- Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.
- Nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thực hiện phương án cải tạo và nâng cấp khu Nhà hàng Sen Hồng theo kế hoạch để đáp ứng nhu cầu kinh doanh tiệc cưới ngày càng tăng như trong năm vừa qua.
- Hoàn thiện phương án sử dụng lao động, định mức sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm nhằm mục tiêu chủ động về nguồn nhân lực, sử dụng hiệu quả để tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong công ty;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh

trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới.

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là đơn vị kinh doanh hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy, việc xử lý nước thải cũng như rác thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hiểu được nguyên tắc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, con người đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Vậy nên Haseco luôn chú trọng việc đảm bảo đời sống Người lao động thông qua mức lương cũng như các chế độ phúc lợi (Bảo hiểm, công đoàn, các khóa đào tạo,...). Đồng thời tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó, phát triển.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đối với cộng đồng địa phương, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng thông các hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai,... Các hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua Công đoàn Công ty và đoàn thanh niên dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất để đưa ra các định hướng cho Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện. Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Các Thành viên HĐQT tùy từng trình độ chuyên môn và thể mạnh của bản thân đã phân công thay nhau hỗ trợ, hướng dẫn Ban điều hành Công ty với những lĩnh vực có liên quan.

Năm 2019 Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành cơ bản giai đoạn I của tiến trình lập Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây đó là hoàn thành việc đề xuất UBND Thành phố và Sở Liên ngành phê duyệt bản nhiệm vụ Quy hoạch Khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây.

Thường trực Hội đồng Quản trị tham gia tất cả các cuộc họp Giao ban của Công ty để có các quyết sách kịp thời khi Ban điều hành xin ý kiến giải quyết các tồn đọng trong hoạt động kinh doanh mà Công ty gặp phải, đưa ra các chỉ đạo để thúc đẩy kinh doanh, đảm bảo chất lượng dịch vụ, cải thiện cảnh quan, hạ tầng Công viên, thường xuyên nhắc nhở Ban điều hành Công ty công tác đảm bảo an toàn Công viên, an toàn Vệ sinh thực phẩm và an toàn Lao động của nhân viên.

Năm 2019 ghi nhận sự tuyệt đối an toàn trong các hoạt động kinh doanh và vận hành 2 công viên, Đề nghị Đại hội Cổ đông ghi nhận Ban điều hành và người lao động Công ty trong công tác này.

Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp thảo luận trong Hội đồng quản trị và có nghị quyết chỉ đạo cũng như các góp ý tại họp giao ban với Ban điều hành Công ty để tăng cường quản lý và chuẩn hóa hoạt động kinh doanh Du lịch.

Năm 2019 là năm ghi nhận sự tê liệt của Công viên Mặt trời mới, tuy nhiên việc hoàn thiện hạ tầng, cảnh quan và thiết bị của các năm trước nên sản phẩm lõi Công viên nước có sự tăng trưởng khá cao. Bên cạnh đó các dịch vụ khai thác tiệc cưới, du lịch có sự tăng trưởng, đồng thời việc hợp tác kinh doanh khai thác các quầy hàng trong công viên từ các đối tác tiềm lực, tăng trưởng doanh thu hoạt động tài chính, thực hiện chính sách tiết kiệm đã đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty Doanh thu năm 2019 đạt 155,54 tỷ đồng tăng 3,38 % so với năm 2018; mức cổ tức 7% tăng 16,67% so với năm 2018 đạt kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.

Năm 2019, Ban điều hành đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong tình hình năm 2019 với những khó khăn từ các yếu tố chủ quan và khách quan, Ban điều hành đã thể hiện tinh thần cố gắng thực hiện theo đúng các chỉ đạo của HĐQT tại các Nghị quyết HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2020 sẽ là một năm kinh doanh hết sức khó khăn khi công ty phải đối mặt với vô vàn thách thức:

- Do đại dịch Covid 19 ảnh hưởng nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.
- Đối với lĩnh vực vui chơi giải trí đây là một trong những lĩnh vực ảnh hưởng trầm trọng nhất từ dịch bệnh này khi học sinh phải nghỉ học và hạn chế ra nơi công cộng. Tính đến ngày 11/3 cơ quan chức năng chưa công bố về việc đi học lại của

học sinh. Đồng nghĩa với việc đối tượng khách hàng chính là học sinh có thể phải học qua mùa hè và không có thời gian nghỉ hè 2020, do vậy dự báo Công viên nước sẽ sụt giảm nghiêm trọng kéo theo toàn bộ các dịch vụ gia tăng ăn theo Công viên nước sẽ suy giảm theo.-

- Đồng thời diễn biến dịch rất khó lường tại Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lý khách hàng khi quyết định đến vui chơi Công viên nước.

Mục tiêu và định hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

- Giữ an toàn tối đa cho nhân viên và giảm ít nhất doanh thu Công ty trước tác động của dịch covid 19.
- Đẩy mạnh việc tái cơ cấu, ứng dụng công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của Công ty.
- Hoàn thiện giai đoạn 2 Quy hoạch Tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây, theo đó tiến hành hợp thửa 2 khu đất 1,7ha và 6 ha của Công viên; Tìm kiếm Nhà đầu tư tiềm lực đầu tư vào Công viên;
- Làm việc với các cơ quan chức năng để đề xuất cấp cơ chế đặc thù về việc khai thác nước để ổn định hoạt động Công viên nước;
- Đảm bảo an toàn ở mức cao nhất cho khách hàng trong hoạt động vui chơi giải trí và hướng dẫn nhân viên tự phòng tránh dịch bệnh và có các biện pháp phòng tránh theo hướng dẫn của Cơ quan chức năng.
- Tiếp tục cải thiện từng bước Cơ sở hạ tầng và quản trị nguồn nhân lực.
- Mặc dù chưa rõ khi nào đại dịch Covid 19 được khống chế, Công ty phấn đấu, tổng doanh thu và lợi nhuận ròng không sụt giảm quá 25% so với năm 2019, tỷ lệ cổ tức 2020 đạt tối thiểu 5%.
- Từng bước hiện thực hóa kế hoạch 5 năm 2020 -2025 tầm nhìn 2030.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH) Phó Tổng giám đốc Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
2	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt)

		Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Thành Đô) Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Đô
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH) Kế toán trưởng - Tổng CT Du lịch Hà nội - Công ty TNHH
5	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội - Công ty TNHH) Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí HN
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen
7	Ông Phạm Mạnh Tường	Thành viên HĐQT Haseco Phó Trưởng ban Đầu tư - Tập đoàn Bảo Việt

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS Haseco TP Kế toán - Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Thành phần	Số tiền (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	516.000.000
2	Ban kiểm soát	168.000.000
3	Ban Tổng Giám đốc	1.521.108.132

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ý kiến của kiểm toán viên: “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.264.841.385	35.761.643.249
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4.483.673.769	6.142.593.323
1. Tiền	111		4.483.673.769	6.142.593.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	38.900.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.900.000.000	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn	130		7.600.511.668	4.036.728.121

hạn				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.839.151.994	2.521.567.280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.562.280.651	457.135.464
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.444.593.273	1.303.539.627
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6.	(245.514.250)	(245.514.250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	855.132.833	1.406.590.645
1. Hàng tồn kho	141		855.132.833	1.406.590.645
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		425.523.115	175.731.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	228.602.710	175.731.160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		196.920.405	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.811.786.868	91.778.460.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.		-
II. Tài sản cố định	220		74.415.297.873	85.374.626.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	72.756.442.049	82.767.852.633
- Nguyên giá	222		239.711.467.690	240.230.223.498
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(166.955.025.641)	(157.462.370.865)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	1.658.855.824	2.606.773.438
- Nguyên giá	228		18.187.833.000	18.187.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16.528.977.176)	(15.581.059.562)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	22.539.869	125.580.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.539.869	125.580.545
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.373.949.126	6.278.254.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	5.373.949.126	6.278.254.215

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		132.076.628.253	127.540.104.080
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.637.119.909	13.200.493.200
I. Nợ ngắn hạn	310		15.980.153.909	12.624.443.200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	3.979.532.208	2.562.835.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	1.087.400.000	247.449.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	671.956.886	365.822.311
4. Phải trả người lao động	314		2.451.650.700	2.324.612.667
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	3.380.522.790	2.860.213.646
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	2.770.932.727	2.738.055.458
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.299.716.249	1.304.272.690
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		338.442.349	221.182.048
II. Nợ dài hạn	330		656.966.000	576.050.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	656.966.000	576.050.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.439.508.344	114.339.610.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	115.439.508.344	114.339.610.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(28.000.000)	(28.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.231.317.765	6.131.420.301
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			

- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.231.317.765	6.131.420.301
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		132.076.628.253	127.540.104.080

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	155.539.912.396	150.447.412.714
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]	10		155.539.912.396	150.447.412.714
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	110.856.822.297	104.470.505.820
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]	20		44.683.090.099	45.976.906.894
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.567.919.020	1.502.248.140
7.	Chi phí tài chính	22		10.504	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	19.209.968.330	19.791.037.484
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.011.005.164	20.123.622.503
10.	LN thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (25+26)]	30		9.030.025.121	7.564.495.047
11.	Thu nhập khác	31	VI.4	314.079.515	222.872.713
12.	Chi phí khác	32	VI.5	216.604.756	92.384
13.	Lợi nhuận khác [40 = 31-32]	40		97.474.759	222.780.329
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.127.499.880	7.787.275.376
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.896.182.115	1.655.855.075

16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.231.317.765	6.131.420.301
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	778,01	659,67

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		167 336 342 087	159 409 159 810
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(97 763 378 876)	(85 238 099 013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20 979 301 321)	(18 307 408 519)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1 555 855 075)	(1 474 304 215)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6 768 490 707	9 605 625 578
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34 067 545 725)	(33 407 478 234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19 738 751 797	30 587 495 407
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3 004 148 749)	(13 722 042 721)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19 170 000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70 400 000 000)	(39 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		55 500 000 000	25 500 000 000

nợ của đơn vị khác				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2 013 438 102	1 069 346 830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15 871 540 647)	(26 152 695 891)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5 526 120 200)	(4 669 737 600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5 526 120 200)	(4 669 737 600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1 658 909 050)	(234 938 084)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6 142 593 323	6 377 531 407
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10 504)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4 483 673 769	6 142 593 323

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01000844825 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/07/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)**. Đến ngày 31/12/2019 Công ty chưa góp đủ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Upcom với mã chứng khoán là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Trụ sở Công ty tại: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là Chi phí khảo sát đo vẽ hiện trạng hạng mục đường trượt BOWL được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí in vé, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,...và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	4.483.673.769	6.142.593.323
<i>Tiền mặt</i>	<i>1.395.129.111</i>	<i>884.178.729</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.088.544.658</i>	<i>5.258.414.594</i>
VND	3.081.609.347	5.251.468.779
USD	6.935.311	6.945.815
Cộng	4.483.673.769	6.142.593.323

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	38.900.000.000	38.900.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội</i>	<i>13.200.000.000</i>	<i>13.200.000.000</i>	<i>12.500.000.000</i>	<i>12.500.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Hà Nội</i>	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên</i>	8.200.000.000	8.200.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ</i>	500.000.000	500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	38.900.000.000	38.900.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	68.285.735	-	245.582.073	-
Chi nhánh Công ty Du lịch và Tiếp thị giao thông vận tải tại Hà Nội	328.136.954	-	1.074.799.640	-
Công ty CP Quốc tế Vạn Đắc Phúc	335.770.000	-	-	-

Công ty CP Xi măng Bim Sơn	228.618.000	-	-	-
Các đối tượng khác	878.341.305	245.514.250	1.201.185.567	245.514.250
Cộng	1.839.151.994	245.514.250	2.521.567.280	245.514.250

b) Phải thu khác hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Action Warterscapes	2.399.989.280	-
Công ty Cổ phần Brecus	489.995.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ CS - Solution	488.877.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi Sao Đỏ	463.238.000	-
Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ VDT	168.000.000	168.000.000
Công ty TNHH P&T Việt Nam	-	92.785.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hy Vọng	230.102	72.482.964
Các đối tượng khác	551.950.769	123.867.500
Cộng	4.562.280.651	457.135.464

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.304.046.673	-	749.565.755	-
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội	374.009.043	-	488.115.070	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	607.375.715	-	35.279.452	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên	322.661.915	-	48.460.274	-
Các đối tượng khác		-	177.710.959	-
Các khoản phải thu khác	140.800	-	139.066.372	-
Các đối tượng khác	140.800	-	139.066.372	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	120.405.800	-	394.907.500	-
Cộng	1.444.593.273	-	1.303.539.627	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty Cổ phần HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	-
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	637.735.103	-	1.053.386.865	-
Thành phẩm	4.558.133	-	30.809.465	-
Hàng hoá	212.442.872	-	322.394.315	-
Hàng gửi đi bán	396.725	-	-	-
Cộng	855.132.833	-	1.406.590.645	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Chi phí quy hoạch chi tiết đồng bộ khu Công viên nước và Công viên Mặt trời mới	-	125.580.545
Chi phí khảo sát đo vẽ hiện trạng hạng mục đường trượt BOWL	22.539.869	-
Cộng	22.539.869	125.580.545

Đơn vị tính: VND

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2019	137.935.531.444	99.379.978.403	2.648.945.454	265.768.197	240.230.223.498
- Mua trong năm	-	469.490.000	-	-	469.490.000
- Thanh lý, nhượng bán	(528.347.422)	(459.898.386)	-	-	(988.245.808)
Số dư ngày 31/12/2019	137.407.184.022	99.389.570.017	2.648.945.454	265.768.197	239.711.467.690
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2019	78.508.754.556	76.982.707.368	1.721.253.291	249.655.650	157.462.370.865
- Khấu hao trong năm	6.034.360.246	3.908.857.984	303.247.018	16.112.547	10.262.577.795
- Thanh lý, nhượng bán	(310.024.633)	(459.898.386)	-	-	(769.923.019)
Số dư ngày 31/12/2019	84.233.090.169	80.431.666.966	2.024.500.309	265.768.197	166.955.025.641
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2019	59.426.776.888	22.397.271.035	927.692.163	16.112.547	82.767.852.633
- Tại ngày 31/12/2019	53.174.093.853	18.957.903.051	624.445.145	-	72.756.442.049

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 38.989.068.720 VND (tại 31/12/2018: 35.152.573.032 VND).

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2019	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Số dư ngày 31/12/2019	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2019	1.883.650.000	13.697.409.562	15.581.059.562
Khấu hao trong năm	-	947.917.614	947.917.614
Số dư ngày 31/12/2019	1.883.650.000	14.645.327.176	16.528.977.176
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2019	-	2.606.773.438	2.606.773.438
- Tại ngày 31/12/2019	-	1.658.855.824	1.658.855.824

11. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	228.602.710	175.731.160
Chi phí in vé chờ phân bổ	173.143.659	128.101.676
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	55.459.051	47.629.484
b) Dài hạn	5.373.949.126	6.278.254.215
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	876.993.714	679.898.302
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.460.288.412	5.441.688.913
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.667.000	156.667.000
Cộng	5.602.551.836	6.453.985.375

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	77.052.150	77.052.150	22.803.000	22.803.000
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	27.874.350	27.874.350	320.366.021	320.366.021
Công ty Continental Travel LLP	2.263.033.190	2.263.033.190	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	319.329.818	319.329.818	-	-
Các đối tượng khác	1.292.242.700	1.292.242.700	2.219.666.249	2.219.666.249
Cộng	3.979.532.208	3.979.532.208	2.562.835.270	2.562.835.270

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam	121.905.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Hà Nội	899.000.000	-
Công ty Cổ Phần Du lịch Nam Thái Bình Dương	66.495.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Hà Nội	-	142.853.610
Công ty TNHH Ohara Plastics Việt Nam	-	84.595.500
Các đối tượng khác	-	20.000.000
Cộng	1.087.400.000	247.449.110

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	54.413.672	6.575.313.682	6.629.727.354	-
Thuế TNDN	255.855.075	1.896.182.115	1.555.855.075	596.182.115
Thuế thu nhập cá nhân	17.526.435	298.605.962	299.298.980	16.833.417
Thuế tài nguyên	586.560	35.760.480	35.234.880	1.112.160
Thuế nhà đất và tiền thuê	-	5.182.783.813	5.182.783.813	-
Các loại thuế khác	37.440.569	167.408.807	147.020.182	57.829.194
Cộng	365.822.311	14.156.054.859	13.849.920.284	671.956.886

15. Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	257.251.710	53.138.123
Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	182.270.000	219.800.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	364.540.000	326.150.000
Phải trả cho đối tác cung cấp Landtour Nga	715.673.894	1.430.481.050
Phải trả chi phí sự kiện của Công ty TNHH Truyền Thông và Du Lịch Hà Nội	-	320.355.173
Phải trả chi phí tour nội địa	153.783.654	-
Trích trước chi phí phải trả khác	1.707.003.532	510.289.300
Cộng	3.380.522.790	2.860.213.646

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.506.363.636	2.506.363.635
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	233.660.000	200.000.000
Doanh thu nhận trước khác	30.909.091	31.691.823
Cộng	2.770.932.727	2.738.055.458

16. Phải trả khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	1.299.716.249	1.304.272.690
Kinh phí công đoàn	159.021.599	153.314.419
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	19.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.140.694.650	1.131.158.271
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.090.614.650</i>	<i>1.039.944.850</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>50.080.000</i>	<i>91.213.421</i>
b) Dài hạn	656.966.000	576.050.000
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	150.000.000	150.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH KEPLER MAIA	61.050.000	61.050.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	99.000.000
Công ty TNHH Sen Đào	66.000.000	66.000.000
Cộng	1.956.682.249	1.880.322.690

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2018	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.035.216.860	106.143.966.860
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.131.420.301	6.131.420.301
Chia cổ tức	-	-	-	(4.647.325.000)	(4.647.325.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(387.891.860)	(387.891.860)
Số dư ngày 01/01/2019	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	6.131.420.301	107.240.170.301
Lãi trong năm	-	-	-	7.231.317.765*	7.231.317.765
Chia cổ tức	-	-	-	(5.576.790.000)	(5.576.790.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(554.630.301)	(554.630.301)
Số dư ngày 31/12/2019	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	7.231.317.765	108.340.067.765
18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH Tập đoàn Bảo Việt				42.700.000.000	42.700.000.000
Công ty TNHH Trí Thành				18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô				5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen				4.705.000.000	4.705.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác				9.385.650.000	9.385.650.000
Cộng				12.933.850.000	12.933.850.000
				92.974.500.000	92.974.500.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.576.790.000	4.647.325.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.539.912.396	150.447.412.714
Cộng	155.539.912.396	150.447.412.714
b) Doanh thu đối với các bên liên quan: <i>Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2</i>		

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.856.822.297	104.470.505.820
Cộng	110.856.822.297	104.470.505.820

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.567.919.020	1.502.168.614
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	79.526
Cộng	2.567.919.020	1.502.248.140

4. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu tiền hỗ trợ bán hàng	190.909.091	73.880.157
Các khoản thu nhập khác	123.170.424	148.992.556
Cộng	314.079.515	222.872.713

5. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí về nhượng bán và thanh lý tài sản	199.152.789	-
Các khoản chi phí khác	17.451.967	92.384
Cộng	216.604.756	92.384

6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	19.209.968.330	19.791.037.484
Chi phí nhân viên bán hàng	7.133.876.603	6.679.762.212

Chi phí vật liệu bao bì	20.530.000	8.450.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.020.684.307	1.264.246.116
Khấu hao tài sản cố định	1.388.779.174	1.354.801.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.439.029.166	6.052.790.320
Chi phí bằng tiền khác	4.207.069.080	4.430.987.260
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	19.011.005.164	20.123.622.503
Chi phí nhân viên quản lý	6.396.558.354	5.885.144.598
Chi phí vật liệu quản lý	418.303.339	541.694.632
Khấu hao tài sản cố định	915.997.908	1.109.273.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.370.714	241.736.910
Chi phí dự phòng	-	34.636.575
Thuế, phí, lệ phí	5.385.953.100	5.250.850.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.898.710.816	4.434.244.224
Chi phí bằng tiền khác	2.751.110.933	2.626.041.534
Cộng	38.220.973.494	39.914.659.987

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.084.077.056	2.757.068.475
Chi phí nhân công	26.911.326.268	25.126.475.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.200.993.785	11.024.028.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.731.141.587	97.439.834.838
Chi phí bằng tiền khác	8.150.257.095	8.037.758.107
Cộng	149.077.795.791	144.385.165.807

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	9.127.499.880	7.787.275.376
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	353.410.696	492.000.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.480.910.576	8.279.275.376
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.896.182.115	1.655.855.075

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.231.317.765	6.131.420.301
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.231.317.765	6.131.420.301
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	778,01	659,67

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.483.673.769	6.142.593.323
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	115.439.508.344	114.339.610.880
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.483.673.769	6.142.593.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.038.231.017	3.579.592.657
Các khoản đầu tư tài chính	38.900.000.000	24.000.000.000
Cộng	46.421.904.786	33.722.185.980
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.936.214.457	4.443.157.960

Chi phí phải trả	3.380.522.790	2.860.213.646
Cộng	9.316.737.247	7.303.371.606

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.279.248.457	656.966.000	5.936.214.457
Chi phí phải trả	3.380.522.790	-	3.380.522.790
01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.867.107.960	576.050.000	4.443.157.960
Chi phí phải trả	2.860.213.646	-	2.860.213.646

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.483.673.769	-	4.483.673.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.038.231.017	-	3.038.231.017
Các khoản đầu tư tài chính	38.900.000.000	-	38.900.000.000
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.142.593.323	-	6.142.593.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.579.592.657	-	3.579.592.657
Các khoản đầu tư tài chính	24.000.000.000	-	24.000.000.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng	12.358.582.457	11.996.276.789
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	891.571.274	936.794.273
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	11.467.011.183	11.059.482.516
Mua hàng	2.703.248.184	1.575.392.728
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.703.248.184	1.575.392.728

b) *Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu	66.450.480	275.017.833
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	-	210.862.300
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	66.450.480	64.155.533
Các khoản phải trả	2.825.693.454	2.506.363.635
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.825.693.454	2.506.363.635

c) *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	516.000.000	516.000.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc	1.521.108.132	1.535.057.933
Cộng	2.037.108.132	2.051.057.933

3. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2019.

4. **Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. *wh*

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Tổng Giám đốc *[Signature]*



Nguyễn Thị Vân